

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN G
TỈNH B
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/02/2022

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Te

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Thanh T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Hồ Thị N trình bày:

Bà và bị đơn là ông Đỗ Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh B vào ngày 16/7/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, ông T thường xuyên uống rượu say về hành hung vợ con. Bà và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung là Đỗ Thành T, sinh ngày: 14/5/2011. Hiện nay con chung do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu giao con chung chưa thành niên cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không tranh chấp; nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 11 tháng 02 năm 2022, ông T cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với ông Đỗ Thanh T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh B vào ngày 16/7/2011 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau kết hôn, ông T và bà N cùng chung sống với nhau rất hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn phát sinh hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung và vợ chồng ông T bà N đã sống ly thân với nhau vào năm 2016 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy bà N và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2016, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ như chồng. Bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Long An sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Do bà N không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho ông bà đoàn tụ. Tuy nhiên, ông T đã bỏ mặc không tham gia. Mặt khác, trong thời gian ly thân ông T và bà N cũng không quan tâm chăm sóc cho nhau, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân của ông bà. Tòa án đã động viên bà N trở lại hàn gắn đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp.

- *Về con chung:* Bà N và ông T có 01 con chung là Đỗ Thành T, sinh ngày: 14/5/2011, hiện cháu T do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ông T và bà N sống ly thân, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T vẫn đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ, cháu T do ông T trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, do cháu T đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến tham khảo của cháu T, ý kiến của cháu T có nguyện vọng tiếp tục sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con chung chưa thành

niên cho ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông T là người trực tiếp nuôi con chưa thành niên nhưng ông T không có mặt tại Tòa án và không thể ghi nhận ý kiến của ông T về việc cấp dưỡng nuôi con, ông T sẽ được quyền khởi kiện bằng vụ án khác nêu sau này ông T có yêu cầu. Tuy nhiên, bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N về việc cấp dưỡng nuôi con và nhằm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần chấp nhận yêu cầu này.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N khai không có tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí*: bà N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Nêu 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Đỗ Thanh T.

2. *Về con chung*: Bà Hồ Thị N và ông Đỗ Thanh T có 01 con chung là Đỗ Thành T, sinh ngày: 14/5/2011. Giao con chung chưa thành niên cho ông T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở bà N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không có tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002163 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; bà N còn phải nộp thêm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại Tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại Tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn; có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã B, huyện G
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thế Trang Đền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA